

I/ NEW WORDS:

- coastal /'kəʊ.stəl/	(adj) : thuộc miền ven biển
- weaken /'wiː.kən/	(v) : làm yếu đi
- weather bureau	(n) : cục dự báo thời tiết
- /'weð.ər/ /'bjʊə.rəʊ/	(v) : xảy ra
- occur /ə'kɜːr/	(n) : tá , 12
- dozen /'dʌz.ən/	